

ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN THỊ HÀ LAN

Trường Đại học Hồng Đức

Email: nguyenthalan.hdu@gmail.com

Tóm tắt: Đề cập đến việc định hướng đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tác giả phân tích cụ thể các vấn đề: 1/Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nguồn nhân lực; 2/ Yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với nguồn nhân lực; 3/ Định hướng trong đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam. Theo tác giả bài viết, xây dựng nguồn nhân lực thực sự phù hợp với sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp là điều hết sức quan trọng. Nhận thức đúng đắn và kịp thời về vai trò và tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển xã hội, nhiệm vụ của các cấp quản lí, các ban ngành cùng với các trường học trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học cần tập trung hơn nữa để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo những thế hệ lao động có đầy đủ phẩm chất, năng lực của người lao động trong xã hội hiện đại, góp phần làm giàu cho quê hương, đất nước.

Từ khóa: Đào tạo; nguồn nhân lực; công nghiệp hóa; hiện đại hóa.

(Nhận bài ngày 07/8/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 20/8/2017; Duyệt đăng ngày 25/8/2017).

1. Đặt vấn đề

Những tiến bộ không ngừng của xã hội hiện đại đã mang đến cho con người nhiều cơ hội và thách thức. Đặc biệt, trong thời kì công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước, nguồn nhân lực có vị trí và vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển xã hội trên mọi phương diện. Chính vì vậy, vấn đề cấp thiết đặt ra cho xã hội nói chung, cho lĩnh vực giáo dục nói riêng là cần tập trung đào tạo đội ngũ nhân lực vừa có kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp vững vàng đồng thời vừa có những kĩ năng xã hội và phẩm chất đạo đức phù hợp với văn hoá truyền thống của dân tộc cũng như xu thế của xã hội hiện đại trong môi trường toàn cầu hoá.

2. Vài nét về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nguồn nhân lực

2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

CNH, HĐH đất nước là bước chuyển đổi từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu sang nền sản xuất lớn, có các ngành công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp hiện đại, khoa học - kĩ thuật tiên tiến. CNH, HĐH nhằm vào việc thực hiện các mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... [1].

Như vậy, khi nói đến CNH, HĐH, chính là nhấn mạnh quá trình đô thị hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Do vậy, vấn đề quan tâm chính là nhân lực thực hiện quá trình chuyển đổi tích cực này. Mặt khác, CNH, HĐH là quá trình bao trùm lên mọi lĩnh vực của xã hội, từ kinh tế, khoa học, văn hoá, giáo dục... Cho dù thực hiện quá trình CNH, HĐH theo những cách thức và con đường nào thì vẫn phải tập trung vào việc phát triển các giá trị văn minh, hiện đại của nhân loại đồng thời phù hợp với thiên nhiên, môi trường và con người.

2.2. Nguồn nhân lực

Theo tác giả Nguyễn Tiệp [1], nguồn nhân lực (human resource) là nguồn lực con người, yếu tố quan trọng, năng động nhất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, xã hội. Nguồn nhân lực có thể xác định cho một quốc gia, vùng lãnh thổ và nó khác với nguồn lực khác (tài chính, đất đai, công nghệ...) ở chỗ nguồn lực con người với hoạt động lao động sáng tạo, tác động vào thế giới tự nhiên, biến đổi thế giới tự nhiên và trong quá trình lao động nảy sinh các quan hệ lao động và quan hệ xã hội. Cụ thể, nguồn nhân lực quốc gia thể hiện ở những đặc điểm sau đây:

- Nguồn nhân lực là nguồn lực con người;
- Nguồn nhân lực là bộ phận của dân số, gắn với cung lao động;
- Nguồn nhân lực phản ánh khả năng lao động của xã hội.

Khi nói đến nguồn nhân lực không thể không nói đến chất lượng nguồn nhân lực, nó được thể hiện ở các mặt sau đây [1]: Sức khoẻ; Trình độ văn hoá; Trình độ chuyên môn, kĩ thuật; Năng lực thực tế về tri thức, kĩ năng nghề nghiệp; Tính năng động xã hội (khả năng sáng tạo, thích ứng, linh hoạt với công việc và xã hội); Phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ đối với công việc và môi trường làm việc; Hiệu quả hoạt động lao động của nguồn nhân lực.

Như vậy, với những đặc điểm của thời kì CNH, HĐH và chất lượng của nguồn nhân lực, theo chúng tôi cần phân tích, cụ thể hoá các yêu cầu của xã hội hiện đại đối với người lao động nhằm định hướng cho quá trình giáo dục, đào tạo tại các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay.

3. Yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với nguồn nhân lực



3.1. Đạo đức nghề nghiệp

Đối với mỗi người, đạo đức là một phần quan trọng của nhân cách. Có đạo đức, con người sẽ có những suy nghĩ, hành động và lối sống văn hóa, chân chính. Đối với người lao động (cho dù lao động trí óc hay lao động thủ công) thì đạo đức nghề nghiệp là một yếu tố quan trọng, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tiến trình cũng như hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. Nói cách khác, đó chính là cái "Tâm" đối với nghề. Đạo đức nghề nghiệp vừa phản ánh đạo đức nhân cách của mỗi người, vừa phản ảnh xu hướng và triển vọng của họ trong quá trình lao động nghề nghiệp. Trong đào tạo nguồn nhân lực, đạo đức nghề nghiệp cần phải được xem là nội dung quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc của mỗi ngành nghề trong xã hội. Đạo đức nghề nghiệp sẽ định hướng và kiểm soát chất lượng cũng như hiệu quả công việc, thúc đẩy người lao động hoàn thành nhiệm vụ với tất cả niềm tin và trình độ của mình. Vì vậy, cùng với kiến thức khoa học và kĩ năng nghề nghiệp, người học cần phải được trang bị những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp một cách vững chắc, hiệu quả.

3.2. Kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp vững vàng

Cùng với đạo đức nghề nghiệp, cần phải trang bị cho học sinh (HS), sinh viên (SV) những kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp vững vàng. Kiến thức khoa học thuộc ngành nghề sẽ là cơ sở để hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp tương ứng. Thực tế cho thấy, trong bất kì loại hình lao động nào, kiến thức chuyên môn cũng là yếu tố quan trọng, tác động đến chất lượng và hiệu quả công việc. Người có kiến thức và kĩ năng chuyên môn là người không chỉ hoàn thành công việc có chất lượng mà còn là người biết giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp một cách sáng tạo và hiệu quả trong các tình huống phong phú và phức tạp của thực tiễn. Chính vì vậy, trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, cần chú trọng trang bị cho HS, SV kiến thức chuyên môn và rèn luyện, phát triển kĩ năng nghề nghiệp một cách vững chắc, tạo cơ sở để họ bước vào môi trường lao động một cách tự tin.

3.3. Kĩ năng sống

Trong xu thế hội nhập và phát triển của xã hội, đòi hỏi nguồn nhân lực phải có chất lượng cao. Điều này không chỉ thể hiện ở năng lực lao động mà còn có phẩm chất toàn diện, thể hiện ở các kĩ năng tương tác, quan hệ với mọi người trong lao động, cuộc sống và với chính bản thân mình. Để thích ứng tốt với những đặc điểm của xã hội hiện đại, ngoài những phẩm chất đạo đức, kiến thức khoa học, trình độ chuyên môn và kĩ năng lao động, đòi hỏi mỗi người cần phải có những kĩ năng sống nhất định. Kĩ năng sống là một trong những yếu tố quan trọng, không thể thiếu đối với con người, giúp họ có một cuộc sống sống vững vàng, lành mạnh. Đặc biệt, trong xã hội phát triển và hội nhập, yêu cầu và đòi hỏi tính tập thể, tinh thần hợp tác, chia sẻ trong các hoạt động và công việc ngày càng cao. Bên cạnh đó, mỗi người có thể đối mặt và trải qua những khó khăn, thách thức của công việc, cuộc sống hoặc chính bản thân mình. Do đó,

cần phải có những kĩ năng sống nhất định để giúp họ giải quyết tốt các tình huống gặp phải trong mọi hoạt động. Đó cũng là lí do tại sao hiện nay cần phải đưa nội dung giáo dục kĩ năng sống vào chương trình giáo dục ở các trường phổ thông và chương trình đào tạo ở bậc đại học.

3.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Việt Nam là một trong những nước để cao năng lực ngoại ngữ trong đào tạo và sử dụng nhân lực. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu hết sức nghiêm ngặt về năng lực ngoại ngữ của SV trong đó có những quy định như là điều kiện bắt buộc để được công nhận tốt nghiệp đại học, là một trong những yêu cầu thi tuyển hoặc tốt nghiệp của các chương trình đào tạo sau đại học, là điều kiện bắt buộc để được tham gia chương trình đào tạo sau đại học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Trình độ ngoại ngữ sẽ giúp con người không ngừng làm giàu vốn kiến thức, mở mang tư duy và không ngừng tự học, sáng tạo. Và hơn hết là tạo cho họ những cơ hội để có thể được tuyển dụng vào các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài.

Mặt khác, hiện nay có nhiều chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Anh, như: IELTS, ABE, GMA, TOEFL, TOEIC... trong số đó, chương trình TOEIC (Test of English for International Communication) là bài thi được các trường đại học lựa chọn sử dụng để đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường giao tiếp, sử dụng TOEIC nhằm đánh giá, phân loại trình độ đầu vào của SV; đánh giá hiệu quả và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo... Các cơ quan, doanh nghiệp dùng TOEIC trong việc tuyển dụng nhân viên, sắp xếp và đề bạt cán bộ.

Trình độ công nghệ thông tin (CNTT) cũng là một thách thức, yêu cầu đối với người lao động trong xu thế phát triển xã hội hiện nay. Nhờ những thành tựu vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông đã là thay đổi tính chất và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, CNTT còn là môi trường và phương tiện giúp người lao động nâng cao kiến thức, kĩ năng của mình. Hiện nay, bất kì ngành nghề nào trong xã hội cũng yêu cầu ở người lao động trình độ CNTT nhất định như: soạn thảo văn bản, trình chiếu sản phẩm... Ngoài ra, để đi sâu vào lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể, đều có những ứng dụng quan trọng của CNTT thông qua các phần mềm công cụ và phần mềm chuyên dụng. Vì vậy, cần chú trọng trang bị kiến thức về CNTT cho người học để họ tiếp tục học tập nâng cao trình độ tin học, phục vụ cho công việc chuyên môn, ngành nghề của bản thân.

3.5. Ý thức học thường xuyên, học suốt đời

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: "*Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay, mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập và tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài phục vụ CNH, HĐH đất nước, nhất là trong bối cảnh nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới*". Trong điều kiện xã hội hiện đại và phát triển hiện nay, lượng thông tin và tri thức bùng nổ hàng ngày, hàng giờ, đòi hỏi người lao động phải không ngừng học hỏi, nghiên

cứu và tìm tòi những kiến thức, kinh nghiệm và kĩ năng của nghề nghiệp, cuộc sống. Những kiến thức, kĩ năng mà họ học được trong các nhà trường chỉ mang tính chất cơ bản, tiền đề để họ bước vào môi trường sống và thực tiễn nghề nghiệp. Thực tế cho thấy, xã hội liên tục phát triển, kiến thức và thông tin bùng nổ hàng ngày, hàng giờ. Cùng với nó là những thành tựu khoa học công nghệ không ngừng được phát minh và ứng dụng trong mọi lĩnh vực của xã hội. Do đó, yêu cầu người lao động phải không ngừng nâng cao trình độ của bản thân để tiếp cận tri thức mới, kĩ năng mới phù hợp với xu thế phát triển của xã hội để làm chủ quá trình lao động của mình, vững vàng trong chuyên môn, nghề nghiệp, đóng góp trí tuệ và năng lực cho sự phát triển của xã hội.

4. Định hướng trong đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam

4.1. Đối với nhà trường

4.1.1. Chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh

Những năm gần đây, nền kinh tế thị trường đã ít nhiều có ảnh hưởng tiêu cực đến nền giáo dục, dẫn đến một bộ phận không nhỏ HS, SV suy thoái về đạo đức, lối sống, ảnh hưởng đến văn hóa, truyền thống của dân tộc. Các nhà trường dành nhiều thời gian cho hoạt động dạy học, truyền đạt kiến thức, bồi dưỡng và phát triển tư duy cho HS. Hoạt động giáo dục còn chưa thực sự hiệu quả. Hơn nữa, ảnh hưởng tiêu cực của các phương tiện thông tin đại chúng (phim ảnh, internet...) đã dẫn đến đạo đức, nhân cách của một bộ phận HS, SV ngày nay suy thoái và lệch lạc. Vì vậy, các nhà trường cần tập trung, quan tâm để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. Lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức trong các bài học, các hoạt động trong nhà trường. Phải thực sự quan tâm và coi trọng giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Muốn vậy, các môn học như Đạo đức và Giáo dục công dân cần phải được thiết kế nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với lứa tuổi HS, gắn với thực tiễn xã hội và đặc biệt tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm. Cùng với việc giảng dạy, cần tổ chức cho HS tham quan, ngoại khóa và trải nghiệm sự hiểu biết của mình vào các mối quan hệ ứng xử trong cộng đồng.

4.1.2. Xây dựng và tổ chức các hoạt động, chương trình giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, sinh viên

Tình trạng trẻ em Việt Nam thụ động, không biết ứng phó trong những hoàn cảnh nguy cấp, không biết cách tự bảo vệ bản thân trước nguy hiểm, tìm kiếm sự giúp đỡ... có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng trong đó việc thiếu kĩ năng sống là nguyên nhân chính. Cần rèn luyện kĩ năng ứng xử văn hóa, ý thức chung sống thân thiện, giải quyết hợp lí các tình huống mâu thuẫn, xung đột cho HS ngay từ bậc mầm non. Các kĩ năng sống cơ bản như: Làm thế nào khi động đất? Làm thế nào khi gặp thiên tai? Khi nào thì nói lời cảm ơn? Xin lỗi? Ứng xử thế nào trước các tình huống nguy hiểm? Để hình thành kĩ năng sống, các trường học cần quan tâm tổ chức hoạt động thể thao, ngoại khóa, vui chơi...

Các trường đại học cần chú trọng trang bị những kiến thức chuẩn về ngành nghề cho SV. Tuy nhiên, các kĩ năng mềm như kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề... để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động vẫn còn hạn chế. Và vấn đề rèn luyện kĩ năng sống cho SV trước khi ra trường được xem là một điểm yếu của giáo dục đại học ở Việt Nam. Sinh viên không chỉ hạn chế về trình độ ngoại ngữ, tin học mà còn hạn chế các nhóm kĩ năng cần thiết trong giao tiếp và trong công tác. Người sử dụng lao động Việt Nam nhận thấy sự yếu kém đặc biệt nghiêm trọng trong kĩ năng giao tiếp và tiếng Anh cũng như kiến thức thực tế trong công việc của SV mới ra trường.

Tổ chức Văn hóa - Khoa học - Giáo dục của Liên Hợp Quốc (UNESCO) đã đề xuất bốn trụ cột trong việc học của thế kỉ XXI là: "Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định". Với mục tiêu như vậy, kĩ năng sống là mục tiêu quan trọng của giáo dục trong thế kỉ XXI. Vì vậy, cần xây dựng các chương trình giáo dục kĩ năng sống hoặc môn học kĩ năng sống trong các nhà trường ở mọi bậc học. Bên cạnh đó, cần lồng ghép nội dung kĩ năng sống trong các môn học. Giáo viên phải tìm tòi và thiết kế nội dung học tập, xây dựng các tình huống dạy học chứa đựng các nội dung của kĩ năng sống để tổ chức quá trình dạy học đạt hiệu quả toàn diện. Bên cạnh đó, nên khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên phong phú và có ý nghĩa giáo dục như: *Video truyền cảm hứng, câu chuyện và clip trong chương trình quà tặng cuộc sống, blog khát vọng tuổi trẻ...* sẽ có tác dụng tích cực và hiệu quả trong dạy học và giáo dục kĩ năng sống cho HS. Đặc biệt, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể nhằm tạo điều kiện cho HS trải nghiệm các mối quan hệ xã hội, rèn luyện và hình thành các kĩ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi các em.

4.1.3. Chú trọng giáo dục tính kỉ luật, sự chia sẻ và đức hi sinh

Qua tìm hiểu về nguồn nhân lực ở Nhật Bản cho thấy, tính kỉ luật là một trong những phẩm chất quý báu của nguồn nhân lực Nhật Bản. Bên cạnh đó, người Nhật Bản thường biết cách chia sẻ, giúp đỡ và hi sinh vì người khác. Phẩm chất nổi bật của người Nhật Bản có được là do kết hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội một cách nghiêm túc và hiệu quả. Trẻ em Nhật Bản biết giúp đỡ và hỗ trợ nhau từ khi còn rất nhỏ. Chính sự quan tâm giáo dục đạo đức nhân cách nói chung, giáo dục và hình thành các phẩm chất quý báu như tính kỉ luật, chia sẻ đã giúp Nhật Bản đào tạo được một đội ngũ lao động có phẩm chất và khả năng phát triển kinh tế xã hội với tốc độ cao. Học tập những kinh nghiệm của Nhật Bản trong giáo dục HS, Việt Nam cần tăng cường giáo dục phẩm chất kỉ luật lao động, tinh thần, hợp tác trong lao động thông qua các môn học và các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. Từ đó, tạo nền tảng quan trọng để đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.



4.1.4. Chú trọng phát triển giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề

Cha ông ta đã nói: "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh". Đó là câu nói thể hiện trẻ cần phải suy ngẫm trước khi lựa chọn tương lai cho mình. Quả thật, trong xã hội, nghề nào cũng cao quý, mỗi nghề đều có một vị trí và ý nghĩa riêng góp phần tạo nên giá trị vật chất, tinh thần cho xã hội. Các nhà giáo dục cần định hướng và khơi gợi đúng tiềm năng, sở trường của HS trong định hướng nghề nghiệp của các em. Như vậy, vừa giúp cân bằng và phân phối nguồn nhân lực cho thị trường lao động, vừa giúp HS lựa chọn ngành nghề phù hợp với sở trường và nhu cầu của bản thân. Thực tế, ở Việt Nam, tâm lý chung của phụ huynh và HS là phải vào đại học thì mới có tương lai mà xem nhẹ giáo dục nghề nghiệp, không hứng thú và đánh giá đúng các trường dạy nghề. Chính tâm lý đó đã ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của HS, trừ những HS có trình độ cao. Vì vậy, giáo viên làm công tác hướng nghiệp trong các trường phổ thông cần tác động tốt đến nhận thức để HS lựa chọn các trường học phù hợp sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề. Các trường dạy nghề phải có đội ngũ giảng viên, kỹ sư thực sự có tay nghề, tâm huyết để tham gia đào tạo có chất lượng đội ngũ thợ lành nghề cho các cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

4.2. Đối với gia đình

4.2.1. Nâng cao trách nhiệm cha mẹ trong giáo dục con cái

Từ xưa, Khổng Tử đã từng nói rằng: Nền nếp gia đình là phản ảnh nền nếp của một xã hội. Nhà cách mạng Phan Bội Châu cũng nói: "Nước là một cái nhà lớn và nhà là một cái nước nhỏ". Còn Bác Hồ thì nói: "Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn". Con người sẽ khó có được sự hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, vững bền nếu như không có một môi trường giáo dục gia đình tốt đẹp. Cùng với giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình có vai trò quan trọng, đặt nền móng đầu tiên, nuôi dưỡng tâm hồn và sự phát triển nhân cách của trẻ. Mọi quy tắc đạo đức và ứng xử không chỉ được dạy ở trường. Các bậc phụ huynh cần quan tâm giáo dục, uốn nắn con ngay từ bé. Thực tế hiện nay, nhiều bậc phụ huynh phó mặc cho nhà trường trong việc giáo dục và dạy dỗ con cái. Nhiều trẻ em phạm pháp, vi phạm chuẩn mực đạo đức và sa ngã cũng là do thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình. Trước tình hình đó, nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với gia đình. Các bậc phụ huynh cần nhận thức đúng đắn vai trò của gia đình trong giáo dục con cái để là tấm gương cho con cái noi theo và dạy dỗ, uốn nắn con cái những phẩm chất, hành vi quý báu của người Việt Nam.

4.2.2. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, trung thực và đảm bảo công bằng trong giáo dục

Trường học thân thiện là một mô hình trường học do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đề xướng, xây dựng và triển khai từ vài thập kỷ qua ở nhiều nước trên thế giới. Đây có thể xem là giải pháp quan trọng,

tác động trực tiếp và thường xuyên đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho HS, SV. Môi trường học đường cần phải thể hiện sự văn minh, văn hóa và thân thiện với người học. Trước hết thể hiện ở sự thiết kế, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy học, thực hành, vui chơi, giải trí phù hợp với người học. Tiếp đến là hình thành các mối quan hệ thầy trò, bạn bè. Tất cả những điều đó sẽ tạo nên môi trường học đường thân thiện, ảnh hưởng tích cực đến đạo đức, lối sống của HS, SV. Bên cạnh đó, tăng cường giáo dục kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành, tính kỷ luật trong lao động và tinh thần lập thân, lập nghiệp cho HS, SV. Hơn nữa, cần đảm bảo công bằng và cơ hội học tập cho mọi người, thực hiện hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục.

Bên cạnh nhà trường, giáo dục gia đình đóng vai trò quan trọng. Giáo dục con cái không nên thiên về sự nghiêm khắc thái quá mà nên xuất phát từ tình yêu thương, tin cậy. Có như vậy mới tạo động lực và xúc cảm cho các em rèn luyện, hình thành phẩm chất, hành vi đạo đức tốt đẹp, phù hợp với truyền thống của dân tộc và xu thế của thời đại.

4.3. Đối với xã hội

4.3.1. Hoạch định và dự báo chính xác nhu cầu nguồn nhân lực

Một đặc điểm quan trọng của thị trường lao động tác động đến phát triển nguồn nhân lực nước ta hiện nay là cung cầu lao động bất cân đối. Tình trạng thất nghiệp còn khá cao. Trong giai đoạn 2000-2008, bình quân mỗi năm có khoảng hơn 900 nghìn người thất nghiệp. Năm 2008, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị là 4,5%, nông thôn 1,45%. Tình trạng thừa nhân lực lao động phổ thông, và thiếu lao động trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đang rất phổ biến. Vì vậy, việc hoạch định và dự báo chính xác về nhu cầu nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các nhà hoạch định chính sách nhưng đồng thời nó cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Dự báo chính xác sẽ định hướng và điều tiết quá trình phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của xã hội và tránh tình trạng mất cân bằng, lãng phí hoặc thiếu hụt nhân lực giữa các ngành nghề. Hơn nữa, tạo công ăn việc làm ổn định cho đội ngũ nguồn nhân lực, giúp họ yên tâm cống hiến tài năng và sức lực cho sự phát triển xã hội.

4.3.2. Có chiến lược và kế hoạch bồi dưỡng nguồn nhân lực

Thực chất của việc phát triển nguồn nhân lực chính là việc phát triển giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng người học - sản phẩm của lao động sư phạm đồng thời là nhân lực lao động xã hội. Với tốc độ phát triển như hiện nay của xã hội, yêu cầu về đội ngũ người lao động càng cao, không chỉ về sức khỏe, tính kỷ luật mà cả tay nghề và kiến thức. Theo những nghiên cứu gần đây cho thấy, chất lượng lao động của Việt Nam vẫn còn thấp [2]. Theo đó, tỉ lệ lao động qua đào tạo có tăng trong những năm gần đây nhưng vẫn còn xa so với yêu cầu phát triển của đất nước. Cụ thể, năm 2003 là 21%, năm 2004 là 22,5%, năm 2005 là 25,6%, năm 2008 là 29,5% và

năm 2010 là 32%. Chính vì vậy, năng suất lao động còn thấp, xếp thứ 11/12 các nước châu Á. Nguồn nhân lực của nước ta hiện nay được đánh giá là chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong thời kì CNH-HĐH và hội nhập quốc tế. Trước thực trạng này yêu cầu các cấp quản lí và các nhà hoạch định chính sách cần đề xuất các chiến lược, giải pháp mang tính khả thi nhằm bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kì hội nhập, toàn cầu hoá.

4.3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục đào tạo

Nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực là sản phẩm của hệ thống giáo dục. Vì vậy, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần phải quan tâm đến chất lượng giáo dục và chất lượng đội ngũ giáo viên. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của ngành Giáo dục và Đào tạo. Bởi lẽ, chất lượng đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chất lượng nguồn nhân lực của xã hội. Đào tạo được những giáo viên tương lai có đầy đủ phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo dục trong xã hội hiện đại không chỉ phụ thuộc vào phương thức đào tạo và đội ngũ giảng viên của mỗi trường đại học sư phạm mà còn cần đến sự thay đổi trong nhận thức, tư duy và hành động kịp thời của các cấp lãnh đạo, quản lí giáo dục để ban hành những chính sách, giải pháp thiết thực nâng cao năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của giảng viên và thu hút nhiều SV giỏi, tâm huyết, gắn bó với nghề theo học các trường sư phạm để đào tạo nên những giáo viên tương lai đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của xã hội. Bên cạnh đó, giáo viên ở các trường phổ thông cần tích cực học tập, nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ... nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của HS và sự phát triển của xã hội. Cùng với các yêu cầu trên,

Đảng, Nhà nước, Chính phủ cần có những chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút, khuyến khích SV giỏi theo học các trường sư phạm. Có như vậy mới đào tạo được giáo viên có chất lượng, tâm huyết với nghề nghiệp, là nhân tố thúc đẩy nền giáo dục phát triển.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên chính là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Để có nguồn nhân lực phát triển, cần phải nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là giáo dục đại học. Cần đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học, tăng cường tính ứng dụng và thực hành nhằm phát triển phẩm chất và kĩ năng nghề nghiệp cho người học phù hợp với yêu cầu của xã hội.

5. Kết luận

Nguồn nhân lực có thể quyết định sự thành công hoặc thất bại của tổ chức, cơ quan hay doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực thực sự phù hợp với sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp là điều hết sức quan trọng. Nhận thức đúng đắn và kịp thời về vai trò và tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự phát triển xã hội, nhiệm vụ của các cấp quản lí, các ban ngành cùng với các trường học trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học cần tập trung hơn nữa để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo những thế hệ lao động có đầy đủ phẩm chất, năng lực góp phần làm giàu cho quê hương, đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tiệp, (2008), *Nguồn nhân lực*, NXB Lao động - Xã hội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Adam Smith, (1997), *Của cải của dân tộc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

ORIENTING THE TRAINING OF HUMAN RESOURCES IN VIETNAM IN THE PERIOD OF INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION

NGUYEN THI HA LAN

Hong Duc University

Email: nguyenhlan.hdu@gmail.com

Abstract: *In terms of orienting the training of human resources in Vietnam in the period of industrialization and modernization, the author analyzes in detail the following issues: 1/Industrialization, modernization and development of human resources; 2/Requirements of industrialization and modernization of human resources; 3/ Orientation in training human resources in Vietnam. According to the author, it is very important to develop appropriate staff of human resources with the development of organizations and enterprises. A proper and timely understanding of the role and importance of human resources in the social development, tasks of administration at levels, departments and schools in the national education system, especially the professional and higher education should be focused on so as to improve the quality of education and training of the generations of workers with qualities and capacities of workers in modern society, contribute to enrich our country.*

Keywords: *Training; human resources; industrialization and modernization.*